

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG
Số: 218-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 1987

QUYẾT ĐỊNH

VỀ CHO LÀM THỬ VIỆC CHUYỂN HOẠT ĐỘNG
CỦA NGÂN HÀNG SANG KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Cho phép Ngân hàng Nhà nước được làm thử ở một số tỉnh, thành phố việc chuyển hoạt động của Ngân hàng sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, để rút kinh nghiệm, hoàn thiện cơ chế kinh doanh Ngân hàng trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét, quyết định chính thức vào đầu năm 1988.

Nội dung đề án làm thử kèm theo Quyết định này.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc chọn nơi làm thử sau khi thoả thuận với chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố.

Điều 2.- Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ĐỀ ÁN

CHUYỂN HẠNH HỆ THỐNG NGÂN HÀNG SANG HẠCH TOÁN KINH TẾ
VÀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Nội dung đổi mới cơ chế hoạt động Ngân hàng.

Phương hướng đổi mới hoạt động Ngân hàng được xác định trong các Nghị quyết của Đảng:

- "Chuyển mạnh hoạt động của Ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa".

(Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá V).

- "Bên cạnh nhiệm vụ quản lý lưu thông tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước cần xây dựng hệ thống Ngân hàng chuyên nghiệp kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế...".

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội VI).

- "Kiện toàn Ngân hàng Nhà nước làm nhiệm vụ phát hành và quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng. Phát triển các Ngân hàng chuyên nghiệp là tổ chức kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng...".

(Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VI)

Nội dung cơ bản về đổi mới cơ chế hoạt động Ngân hàng thể hiện như sau:

1. Hoàn thiện hoạt động của Ngân hàng Nhà nước với tư cách là Ngân hàng phát hành duy nhất của Nhà nước, cơ quan quản lý Nhà nước về tiền tệ, tín dụng và ngân hàng, cơ quan dự trữ ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý của Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước thống nhất ban hành và kiểm tra thực hiện các chính sách, chế độ tiền tệ, tín dụng, thanh toán (đối nội cũng như đối ngoại) trong cả nước. Ngân hàng Nhà nước thu hút tiền gửi của các Ngân hàng chuyên nghiệp và cho các Ngân hàng chuyên nghiệp vay trên cơ sở hoàn trả có thời hạn và có lãi.

Ngân hàng Nhà nước không trực tiếp giao dịch với các đơn vị sản xuất- kinh doanh. Khách hàng của Ngân hàng Nhà nước là các Ngân hàng chuyên nghiệp hạch toán kinh tế độc lập.

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước trực tiếp giải quyết các quan hệ vốn bằng tiền với Ngân sách Nhà nước phát sinh trong hoạt động kinh tế đối nội và đối ngoại của các ngành, các địa phương.

2. Thành lập các Ngân hàng chuyên nghiệp hạch toán kinh tế độc lập trên cơ sở các Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, đặc khu và quận, huyện, thị xã hiện nay.

Các Ngân hàng chuyên nghiệp:

- Trực tiếp huy động vốn bằng tiền tạm thời nhàn rỗi trên địa bàn mình phụ trách để cùng với vốn tự có và vay vốn Ngân hàng Nhà nước cung ứng tín dụng cho các đơn vị sản xuất - kinh doanh trên cơ sở hoàn trả có thời hạn và có lãi.

- Cho vay ngắn hạn là chủ yếu và các nhu cầu vốn để sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Tuỳ theo khả năng huy động vốn một cách vững chắc, có thể cho các đơn vị kinh tế

vay trung hạn để dùng vào mục đích phát triển theo chiều sâu - để cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu trên cơ sở tận dụng tiềm năng tại chỗ. Trong hoạt động tín dụng phải tuân thủ nguyên tắc có hiệu quả và hoàn trả có thời hạn để bảo đảm hiệu quả kinh doanh của chính Ngân hàng và tác động tích cực đến việc củng cố hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa của các đơn vị kinh tế.

- Trực tiếp giao dịch với khách hàng của mình trong phạm vi số vốn có tại Ngân hàng; theo yêu cầu của khách hàng, Ngân hàng chi trả tiền mặt, hoặc thực hiện các dịch vụ chi trả khác bằng nhiều hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cùng địa phương hay khác địa phương.

- Qua việc hoàn thiện và phát triển hệ thống dịch vụ của mình phải thực sự trở thành người thủ quỹ của các xí nghiệp, tổ chức kinh tế, phải bảo đảm tín nhiệm để đơn vị kinh tế thực hiện việc luân chuyển vốn bằng tiền (tiền mặt cũng như chuyển khoản) hoàn toàn qua tài khoản ở Ngân hàng.

- Được góp cổ phần vào các cơ sở sản xuất - kinh doanh (đối với xí nghiệp sản xuất mặt hàng chủ lực của địa phương hoặc hàng xuất khẩu), phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn, tham gia hùn vốn vào các tổ chức sản xuất - kinh doanh.

Hoạt động này được tiến hành căn cứ theo quy định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và áp dụng trong toàn hệ thống Ngân hàng.

3. Tách hệ thống quỹ Ngân sách Nhà nước (kho bạc) khỏi hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng chuyên nghiệp. Tài khoản tiền gửi của các xí nghiệp, tổ chức kinh tế.

4. Ngân hàng chuyên nghiệp giao dịch với Ngân hàng Nhà nước chủ yếu và thường xuyên qua quan hệ vay vốn hoặc gửi vốn có hoàn trả và có lãi, căn cứ kế hoạch tín dụng của mình gửi Ngân hàng Nhà nước hàng quý, năm:

- Số vốn huy động vượt nhu cầu cho vay vốn được Ngân hàng chuyên nghiệp gửi vào tài khoản mở tại Ngân hàng Nhà nước.

- Huy động vốn không đủ để đáp ứng nhu cầu cho vay vốn, Ngân hàng chuyên nghiệp xin vay Ngân hàng Nhà nước.

Trong kỳ kế hoạch nếu có nhu cầu sử dụng vốn vượt khả năng nguồn vốn đã được Ngân hàng Nhà nước cung ứng theo kế hoạch, Ngân hàng chuyên nghiệp đề nghị Ngân hàng nhà nước cho vay lại (tái chiết khấu) những khoản đã cho khách hàng vay có khế ước và thời hạn cụ

thể. Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định mức và lãi suất chiết khấu cho từng Ngân hàng chuyên nghiệp.

Khả năng tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước tùy thuộc vào vốn dự trữ của Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước và mức tăng trưởng tiền gửi thực tế, so với kế hoạch của Ngân hàng chuyên nghiệp gửi tại Ngân hàng Nhà nước theo tỷ lệ cho phép (hệ số an toàn).

5. Vốn bằng tiền của Ngân hàng chuyên nghiệp để tại Ngân hàng Nhà nước (vốn gửi và vốn vay) được sử dụng không phân biệt đối xử tiền mặt hay chuyển khoản, miễn là rút tiền trong phạm vi được quyền sử dụng.

Giao dịch thanh toán (tiền mặt hay chuyển khoản) với các chi nhánh ngân hàng ngoài hệ thống (với các ngân hàng chuyên nghiệp khác) được thực hiện qua trung tâm thanh toán liên hàng của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả giao dịch thu, trả hàng ngày với các đơn vị khác sẽ tăng thêm hoặc tiền vay của Ngân hàng chuyên nghiệp tại Ngân hàng Nhà nước.

6. Để đảm bảo khả năng chi trả của Ngân hàng chuyên nghiệp và để tuân thủ sự phù hợp giữa mức độ tăng trưởng tín dụng với mức độ phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá theo kế hoạch kinh tế quốc dân, Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ ký gửi vốn huy động của Ngân hàng chuyên nghiệp tại Ngân hàng Nhà nước. Khi xét thấy cần thiết Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định tỷ lệ ký gửi vốn tự có của Ngân hàng chuyên nghiệp tại Ngân hàng Nhà nước.

Số vốn ký gửi theo các tỷ lệ nêu trên sẽ giảm bớt nguồn vốn của Ngân hàng chuyên nghiệp khi cân đối với nhu cầu cho vay từng kỳ kế hoạch.

7. Khi cho vay vốn lưu động Ngân hàng chuyên nghiệp phải chú ý động viên cao nhất vốn tự có của đơn vị vay vốn. Vốn lưu động thường xuyên cần thiết cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị kinh tế phải được bảo đảm bằng vốn tự có mới thuộc diện vay vốn Ngân hàng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành thống nhất tỷ lệ cho vay vốn lưu động các đơn vị sản xuất - kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Ngân hàng chuyên nghiệp được quyền hướng dẫn những quy định nghiệp vụ cụ thể sát hợp với điều kiện hoạt động của mình.

8. Việc cho vay vốn cố định các đơn vị kinh tế cũng được đặt trên cơ sở động viên cao nhất vốn tự có của đơn vị vay vốn. Khi cho vay, trước mắt các Ngân hàng chuyên nghiệp phải tập

trung vốn phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn là sản xuất chế biến lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Ngân hàng Nhà nước Việt nam ban hành thống nhất thể lệ cho vay vốn cố định các đơn vị sản xuất - kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Ngân hàng chuyên nghiệp được quyền hướng dẫn những quy định nghiệp vụ cụ thể sát hợp với điều kiện hoạt động của mình.

9. Ngân hàng chuyên nghiệp áp dụng biểu lãi suất tín dụng do Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn trong hoạt động huy động vốn và cho vay các ngành và các thành phần kinh tế quốc dân. Việc thưởng, phạt bằng lãi suất khi cho vay do Ngân hàng chuyên nghiệp quy định trong khuôn khổ khung biểu lãi suất của Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Trong tín dụng vốn lưu động và vốn cố định, tùy trường hợp cần thiết Ngân hàng chuyên nghiệp sẽ áp dụng việc thế chấp tài sản.

10. Ngân hàng Nhà nước ban hành Thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt chung cho nền kinh tế quốc dân, trong đó chủ yếu quy định các hình thức, phương thức thanh toán và các giấy tờ thanh toán áp dụng chung cho cả nước.

Các Ngân hàng chuyên nghiệp được quyền vận dụng linh hoạt thể lệ thanh toán (các hình thức thanh toán) cho phù hợp với hoạt động thực tế của mình.

11. Ngân hàng chuyên nghiệp có trách nhiệm gửi kế hoạch tín dụng, kế hoạch tiền mặt và kế hoạch tài vụ hàng quý, hàng năm đến Ngân hàng Nhà nước theo thời hạn quy định.

Ngân hàng chuyên nghiệp áp dụng thống nhất chế độ kế toán và tài vụ do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Hàng tháng, quý, năm các Ngân hàng chuyên nghiệp có trách nhiệm gửi bảng cân đối tài khoản kế toán, các báo biểu thống kê nghiệp vụ (bằng thư và điện) theo chế độ quy định đến Ngân hàng Nhà nước. Việc gửi báo cáo đều đặn đến Ngân hàng Nhà nước là luật bắt buộc phải thực hiện đối với các Ngân hàng chuyên nghiệp. Nếu vi phạm sẽ bị đình chỉ tín dụng.

12. Ngân hàng chuyên nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm và kết quả kinh doanh của mình.

Ngân hàng chuyên nghiệp có nghĩa vụ trích nộp ngân sách (thuế vốn) về dư nợ cho vay các loại trong kỳ kế hoạch, trích lãi nộp ngân sách theo tỷ lệ do Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.